

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST  
Ngày 12 tháng 9 năm 2023  
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”,  
“Hợp đồng thi Công”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Phương Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ly.
2. Bà Phan Thị Nga.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm Công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM, ngày 13 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2023/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 487/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C2; địa chỉ trụ sở: số A đường T, quận H, thành Phố Hà Nội, do ông Trần Minh B – Chủ tịch hội đồng quản trị làm đại diện. Ông B ủy quyền cho ông Hồ Tuấn H – Chức vụ: Phó phụ trách phòng khách hàng doanh nghiệp; địa chỉ: số A L, khóm E, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; (Văn bản ủy quyền số 1141/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/9/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn X; địa chỉ trụ sở: tổ G, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Do ông Lê Thanh H1 – Giám Đốc làm đại diện; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Tăng Văn T**, sinh năm 1976; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1980; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Ông **Vương V**, sinh năm 1972; địa chỉ: **số F Hồ N, phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh**; vắng mặt.

+ Bà **Ngô Thị Thu V1**, sinh năm 1970; địa chỉ: **số A B, phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh**; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông **Lê Thanh H1**, sinh năm 1981; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp cho ông **H1**: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1964; địa chỉ: **A H, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh** (giấy ủy quyền ngày 15/5/2023); (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Công ty TNHH **C3**; địa chỉ: **số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**. Do ông **Phạm Trần Bảo N** – Giám đốc làm đại diện. Ông **N** ủy quyền cho ông **Hồ Trung C**, sinh năm 1970; địa chỉ: **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**; (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2022); vắng mặt.

+ Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Tổ G, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Ông **Lê Thành N1**, sinh năm 1964; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1960; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Anh **Lê Thanh H2**, sinh năm 1993; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Chị **Lê Thị Hồng C1**, sinh năm 1985; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Ông **Võ Tấn T2**, sinh năm 1971; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Bà **Lê Thị Nguyệt H3**, sinh năm 1973; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Chị **Võ Thị Hồng T3**, sinh năm 1997; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Anh **Võ Phước T4**, sinh năm 2000; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Cháu **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 2017; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Cháu **Nguyễn Kim Nhã K1**, sinh năm 2021 địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của cháu **Nguyễn Đăng K, Nguyễn Kim Nhã K2**:  
Chị **Võ Thị Hồng T3**, sinh năm 1997; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**;  
vắng mặt*

+ Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1942; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Ông **Tạ Thanh D1**, sinh năm 1977; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị Bích T5**, sinh năm 1977; địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/20221, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần C2** do ông **Hồ Tuấn H** đại diện theo ủy quyền trình bày:*

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2** – **Chi nhánh A** (viết tắt là **ngân hàng TMCP C2**) thỏa thuận ký hợp đồng cho vay hạn mức số 44/2021-HĐCVHM/NHCT740-Trieu P hat ngày 04/5/2021, với **Công ty trách nhiệm hữu hạn X** (viết tắt là **Công ty X**) để cấp hạn mức tín dụng cho **Công ty X** số tiền 35.000.000.000đ (ba mươi lăm tỷ đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh; thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng đến hết ngày 04/5/2022; lãi suất thỏa thuận trên giấy nhận nợ; phương thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ; trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần.

Sau khi ký hợp đồng hạn mức nêu trên thì **Ngân hàng TMCP C2** đã giải ngân cho **Công ty X** các lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 06/5/2021, **Công ty X** ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.200.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 06/11/2021.

- Lần 2: Vào ngày 11/5/2021, **Công ty X** ký giấy nhận nợ với số tiền là 11.000.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 11/11/2021.

- Lần 3: Vào ngày 12/5/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 3.400.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 12/11/2021.

- Lần 4: Vào ngày 13/5/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 3.428.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 13/11/2021.

- Lần 5: Vào ngày 14/2/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 2.380.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 14/11/2021.

- Lần 6: Vào ngày 27/5/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 27/11/2021.

- Lần 7: Vào ngày 28/11/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.300.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 28/11/2021.

- Lần 8: Vào ngày 10/6/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 2.500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 10/12/2021.

- Lần 9: Vào ngày 18/6/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.000.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 18/12/2021.

- Lần 10: Vào ngày 01/7/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 2.000.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 01/01/2022.

- Lần 11: Vào ngày 02/7/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.900.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 02/01/2022.

- Lần 12: Vào ngày 05/7/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 3.883.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 05/01/2022.

- Lần 13: Vào ngày 02/8/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 02/02/2021.

Tổng cộng số tiền của 13 lần giải ngân với số tiền: 34.991.000.000 (ba mươi bốn tỷ chín trăm chín mươi một triệu) đồng.

Để đảm bảo khoản vay của Công ty X thì Công ty X và các ông bà: Tăng Văn T, Trần Thị T1, Lê Thanh H1, Vương V đã ký với ngân hàng các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 29/06/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN/SĐBS01/NHCT740 ngày 12/10/2018; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng

thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS01 ngày 26/05/2020; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS02 ngày 15/10/2020; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS03 ngày 05/05/2021; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS04 ngày 30/06/2022 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS05 ngày 15/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP C2 Chi nhánh A với ông Tăng Văn T và bà Trần Thị T1, tài sản thế chấp là:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH01243, thửa 109, tờ bản đồ số 64, với diện tích 2867m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 23/03/2011 bà Nguyễn Ngọc V2. Tại trang 03 của giấy chứng nhận thể hiện bà Nguyễn Ngọc V2 chuyển nhượng cho ông Tăng Văn T và vợ là bà Trần Thị T1 địa chỉ tại: Ấp B, H, Chợ M, An Giang được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C xác nhận ngày 14/11/2014.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH01244, thửa 110, tờ bản đồ số 44, với diện tích 711,7m<sup>2</sup>; đất cơ sở sản xuất kinh doanh do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 19/9/2014 cho ông Tăng Văn T, bà Trần Thị T1 + Nhà kho trên đất với diện tích xây dựng là 541,7m<sup>2</sup>.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH01245, thửa 111, tờ bản đồ số 44, với diện tích 604,5m<sup>2</sup>; đất cơ sở sản xuất kinh doanh do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 05/4/2011 cho ông Tăng Văn T, bà Trần Thị T1.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH02031, thửa 152, tờ bản đồ số 44, với diện tích 199,5m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 10/9/2014 cho ông Tăng Văn T, bà Trần Thị T1.

Các tài sản này được đăng ký giao dịch bảo đảm và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng huyện C xác nhận ngày 30/6/2016.

- Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 05/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS02/NHCT740 ngày 18/05/2021 giữa Ngân hàng TMCP C2 Chi nhánh A với ông Lê Thanh H1, tài sản thế chấp là:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02869QSĐĐ/oB; thửa số 12, tờ bản đồ số 21, với diện tích 831,7m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/07/2001 mang tên Lê Thanh H1 (kèm theo biên vẽ bản đồ địa chính ngày 14/09/2015. Chủ sử dụng đất ông Lê Thanh H1). Tài sản này được đăng ký giao

dịch bảo đảm và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C xác nhận ngày 13/12/2019

- Hợp đồng thế chấp số 53/2021/HĐBĐ/NHCT740, ký kết ngày 07 tháng 05 năm 2021 giữa Ngân hàng TMCP C2 Chi nhánh A với ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1, gồm tài sản:

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 54/2004/P5 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 05/07/2004; được Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận chuyển nhượng cho ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1 ngày 09/02/2015; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận thay đổi ngày 23/01/2013; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận T xác nhận điều chỉnh ngày 04/01/2018. Chủ sử dụng đất ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1.

- Hợp đồng thế chấp động sản số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/7/2016, thế chấp cho ngân hàng các tài sản gồm:

STT	TÊN MÁY MÓC THIẾT BỊ
<b>Hóa đơn 0000036 ngày 02/03/2015</b>	
1	Găng 132 lỗ
2	Hốt rớt sắt 2mx2m
3	1 sáo + 3 đảo
4	Bồ dài 700 x 10m
5	Bồ dài 500 x 12m
6	Bồ dài 400 x 10m
7	Cụm giàng lầu
8	Cối lực + moter
9	Thùng chứa + hộp số
10	Motor kéo 75Hp
<b>Hóa đơn 0000037 ngày 02/03/2015</b>	
11	Cylong
12	Đường ống cám tole 7ly
13	Đường ống trấu tole 3ly
14	Sàn nguyên liệu
15	Khoan lúa + moter

	<b>Hóa đơn 0000695 ngày 27/02/2015</b>
16	Đầu lau bóng 10T
17	Xát trắng 10T
18	Trống đảo
19	Quạt hút
	<b>Hóa đơn 0005176 ngày 12/01/2015</b>
20	Máy bóc vỏ lúa CL-600C
	<b>Hóa đơn số 0000002 ngày 02/02/2013</b>
21	Cân điện tử nhập hàng nguyên liệu
22	Cân điện tử xuất hàng thành phẩm 30 tấn/giờ
23	Băng tải bao
24	Băng tải nhập nguyên liệu hạt (ngang 0.7x100m)
25	Bồ dài (cao 10 x 0.8 x 0.8)
26	Quạt hút
	<b>Hóa đơn số 00000028 ngày 02/11/2012</b>
27	Thùng chứa gạo (100T)
28	Thùng chứa gạo nhỏ
29	Băng tải bao
30	Băng tải hạt
31	Băng tải chất cây
32	Băng tải nhập nguyên liệu
33	Băng tải xuất Thành phẩm
	<b>Hóa đơn số 00000029 ngày 06/11/2012</b>
34	Cylone cám
35	Thùng đấu trộn + Băng tải + bồ dài + sang rung + Quạt hút (Thùng đấu trộn 10T)
36	Quạt hút
37	Bồ dài (cao 5m x 0.6 x 0.6)
38	Cối xát trắng Bùi Văn Ngọ
39	Cối xát trắng Lamico

40	Máy lau bóng
41	Thùng sấy gạo thành phẩm
42	Sàng tạp chất
43	Trống đảo bắt gạo thành phẩm
44	Đường ống dẫn cám
	<b>Hóa đơn số 139864 ngày 27/11/2011</b>
45	Đường dây trung thế + TBA 1x 630KVA

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù Ngân hàng TMCP C2 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty X để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty X cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty X đã thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền 14.850.000.000 (mười bốn tỷ tám trăm năm chục triệu) đồng. Hiện còn nợ lại số tiền vốn, lãi tính đến ngày 12/9/2023 là 28.291.672.339đ (hai mươi tám tỷ hai trăm chín mươi một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm ba mươi chín) đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty X có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền vốn lãi nêu trên và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 25/8/2023 theo hợp đồng cho vay hạn mức số 44/2021-HĐCVHM/NHCT740-Trieu Phat ngày 04/5/2021, mà Công ty X đã ký với Ngân hàng.

Yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để đảm bảo thi hành án gồm: Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN, ngày 29/06/2016; Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740, ngày 13/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740, ngày 05/05/2021; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS02/NHCT740 ngày 18/05/2021; Hợp đồng thế chấp số 53/2021/HĐBĐ/NHCT740, ngày 07 tháng 05 năm 2021; Hợp đồng thế chấp động sản số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/7/2016.

\* Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X do ông Lê Thanh HI - Giám đốc làm đại diện vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại phiên hòa giải ngày 07/6/2023, ông HI trình bày:

Ông là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn X; ông xác nhận vào ngày 04/5/2021, Công ty X có ký với Ngân hàng TMCP C2 hợp đồng tín dụng hạn mức số 44/2021-HĐCVHM/NHCT740. Hạn mức vay 35.000.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ đồng); thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 04/5/2022; mục đích vay: bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty; lãi suất thỏa thuận trên giấy nhận nợ; phương thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ; trả lãi vào



ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần. Sau khi ký hợp đồng hạn mức nêu trên thì Ngân hàng TMCP C2 đã giải ngân cho Công ty X với số tiền: 34.991.000.000 đồng (ba mươi bốn tỷ chín trăm chín mươi một triệu) đồng thể hiện qua 13 giấy nhận nợ mà Công ty đã ký với ngân hàng. Tính đến ngày 07/6/2023 thì Công ty X còn nợ Ngân hàng TMCP C2 số tiền là: Vốn: 29.291.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.950.511.315 đồng; lãi quá hạn: 2.219.104.520 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 36.460.615.835 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu Công ty X có trách nhiệm trả ngân hàng số tiền vốn lãi nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ cho ngân hàng thì Công ty X đồng ý trả nợ cho ngân hàng nhưng xin ngân hàng tạo điều kiện để Công ty trả dần nợ.

Đối với yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp thì Công ty X cũng đồng ý duy trì để đảm bảo thi hành án.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa đại diện Ngân hàng, ông Tăng Văn T và Công ty X có thỏa thuận bán các tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng gồm: Diện tích 711,1 m<sup>2</sup> thửa số 110, tờ bản đồ số 44 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số phát hành BU 234356, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH01244 do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 19/09/2014. sử dụng đất ông Tăng Văn T và bà Trần Thị T1. Diện tích 604,5 m<sup>2</sup> thửa số 111, tờ bản đồ số 44 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: số phát hành BD 162325, số vào sổ cấp GCN: CH01245 do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 05/04/2011 Chủ sử dụng đất ông Tăng Văn T và bà Trần Thị T1 nên đề nghị phía ngân hàng có xem khấu trừ các phần tài sản đã bán để trả nợ cho Công ty.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông H1 trình bày: Vào ngày 13/12/2019, ông có ký hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 05/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS02/NHCT740 ngày 18/05/2021 với Ngân hàng TMCP C2 Chi nhánh A, tài thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02869QSĐĐ/oB; thửa số 12, tờ bản đồ số 21, với diện tích 831,7m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/07/2001 mang tên Lê Thanh H1 (kèm theo biên vẽ bản đồ địa chính ngày 14/09/2015. Chủ sử dụng đất Ông Lê Thanh H1). Trong quá trình giải quyết vụ án ông có thỏa thuận với ông Tăng Văn T và Ngân hàng TMCP C2 sau khi ông đồng ý cho ông T và ngân hàng bán 03 tài sản thế chấp là: Diện tích 2.867m<sup>2</sup> thửa số 109, tờ bản đồ số 44 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: GCN: CH01243 do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 23/03/2011, cho bà Nguyễn Ngọc V2; Diện tích 711,1 m<sup>2</sup> thửa số 110, tờ bản đồ số 44 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số phát hành BU 234356, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH01244 do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 19/09/2014. sử

dụng đất ông **Tăng Văn T** và bà **Trần Thị T1**; Diện tích 604,5 m<sup>2</sup> thửa số 111, tờ bản đồ số 44 thuộc giấy chứng nhận QSDĐ QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất: số phát hành BD 162325, số vào sổ cấp GCN: CH01245 do Ủy ban nhân dân huyện C - tỉnh An Giang cấp ngày 05/04/2011 Chủ sử dụng đất ông **Tăng Văn T** và bà **Trần Thị T1** thì ngân hàng phải giải chấp cho ông **G** chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02869QSDĐ/oB; thửa số 12, tờ bản đồ số 21, với diện tích 831,7m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/07/2001 mang tên **Lê Thanh H1** (kèm theo biên vẽ bản đồ địa chính ngày 14/09/2015 (Theo Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 05/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS02/NHCT740 ngày 18/05/2021) đồng thời ngân hàng có toán cho ông **H1** thêm 100.000.000 đồng. Việc này chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó, Ngân hàng bán được hai tài sản là diện tích đất 711,1m<sup>2</sup> và diện tích đất 604,5 m<sup>2</sup> và còn lại diện tích đất 2867m<sup>2</sup>. Ông đã ký thỏa thuận xong nhưng ngân hàng chưa giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 831,7m<sup>2</sup> cho ông và chưa đưa số tiền 100.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Ngân hàng giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên đối với diện tích đất 831,7m<sup>2</sup> và thanh toán cho ông 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Ngày 31/8/2023, ông **Lê Thanh H1** có bản tường trình sự việc nêu trên giữa ông và ngân hàng đã giải quyết xong cho nên ông không có yêu cầu gì đối với ngân hàng nữa.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Thành N1** vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản hòa giải ngày 07/6/2023 ông **N1** trình bày: Phần tích đất 831,7m<sup>2</sup> là của cha, mẹ cho **H1** đứng tên do **H1** là con út trong gia đình **H1** lấy giấy đất thế chấp cho ngân hàng thì anh, em trong gia đình không biết. Hiện nay trên phần đất này có 04 hộ cất nhà sinh sống trên đất này trường hợp ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp này thì ông không đồng ý, vì tôi đã sống ở đây đã lâu. Tôi yêu cầu Ngân hàng và ông **H1** tự giải quyết với nhau vì đây là đất của ông bà nên ngân hàng trả giấy đất cho ông **H1**.

\* Công ty TNHH C3 do ông **Hồ Trung C** đại diện theo ủy quyền trình bày; giữa Công ty TNHH C3 (viết tắt Công ty C3) và Công ty X, có ký 02 hợp đồng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng xây dựng số 12/2019/HĐTCXD ngày 09/12/2019, Công ty C3 sẽ thực hiện thiết kế Công trình cho Công ty X khung nhà bao che, từng hạng mục cụ thể của khung nhà bao che được thể hiện trong bản vẽ thiết kế kỹ thuật. Giá trị của Công trình này 4.917.600.000 đồng. Phương thức thanh toán chia làm 03 đợt. Công trình được khởi Công vào ngày 09/12/2019. Đến tháng 4/2020, Công ty C3 đã thực hiện được 70% khối lượng Công trình. Do Công ty X chưa thanh toán xong tiền đợt 01, đợt 02 theo hợp đồng và không có khả năng tài chính để thực hiện tiếp Công trình nên Công ty C3 tạm ngừng thực hiện khoảng 01 năm. Khoảng đầu năm 2021, ông **T**, ông **H1** đến Công ty C3 yêu cầu tiếp tục thực hiện Công trình để ông

T vay Ngân hàng lấy tiền trả cho Công ty C3. Đến tháng 4/2021, Công ty C3 tiếp tục thi Công và hoàn thiện 100% khối lượng Công trình vào tháng 5/2021. Do Ngân hàng không đồng ý cho ông T vay vì nhà xưởng chưa có thiết bị dây chuyền sản xuất nên ông T đề nghị Công ty C3 lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất. Vì vậy, Công ty C3 và Công ty X chưa thực hiện việc nghiệm thu, bàn giao thiết bị cũng như thanh lý hợp đồng này để chờ Công ty C3 lắp đặt dây chuyền sản xuất (đã ký kết ngày 20/12/2019 nhưng thỏa thuận sẽ thi Công nhà kho trước).

2. Hợp đồng cung cấp, lắp đặt thiết bị ngày 20/12/2019, Công ty C3 sẽ lắp đặt cho Công ty X băng tải, thùng chứa và lò đốt, từng hạng mục cụ thể được thể hiện trong hợp đồng. Giá trị của hợp đồng là 4.920.000.000 đồng. Phương thức thanh toán chia làm 03 đợt. Công ty C3 bắt đầu lắp đặt vào tháng 4/2021 và hoàn chỉnh băng tải trước. Đến tháng 9/2021, tiếp tục lắp đặt lò đốt. Lúc này, Công ty X đã thực hiện việc xây xát và ông T nói đơi Ngân hàng cho vay tiền sẽ thực hiện lắp đặt thùng chứa theo thỏa thuận của hợp đồng.

Sau đó, do không thấy ông T chuyển tiền, yêu cầu thanh lý 02 hợp đồng nên ngày 09/9/2020, ông N có đến gặp ông T tại nhà của ông T. Tại đây, ông N và ông T đối chiếu Công nợ. Đối với Hợp đồng thi Công xây dựng nhà xưởng, Công ty C3 đã thi Công thực tế được số tiền 3.188.475.000 đồng, ông T đã thanh toán nhiều đợt với số tiền 2.488.975.000 đồng, còn nợ lại 699.500.000 đồng. Đối với Hợp đồng lắp đặt, Công ty C3 đã thi Công được băng tải, lò đốt với số tiền 1.410.000.000 đồng; ông T chưa thanh toán. Ông T cho rằng không có khả năng thanh toán nên kêu ông H1 tháo dỡ lò đốt mang về. Đồng thời, ông T có ký xác nhận Công nợ với Công ty C3 số tiền 1.244.000.000 đồng (đã khấu trừ tiền lò đốt 750.000.000 đồng và tiền ông N nhờ ông T mua một số vật tư và số tiền được giảm khoảng 115.500.000 đồng). Ông T hẹn thời gian thanh toán là 01 tháng. Đến ngày 28/12/2020, ông T trả cho Công ty C3 số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 1.204.000.000 đồng và hẹn tháng sau tất toán nhưng không thực hiện. Ngày 06/01/2021, ông T viết cam kết sẽ trả số nợ còn lại trong khoảng thời gian từ ngày 07/01/2021 đến 07/02/2021; nếu đến hạn mà ông T không thanh toán nợ thì Công ty C3 được quyền tháo dỡ nhà xưởng và băng tải để bán thu hồi nợ và ông T sẽ trả số tiền còn thiếu.

Nay Công ty C3 yêu cầu Công ty X có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 1.204.000.000 (một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu) đồng nếu Công ty X không trả nợ thì Công ty C3 sẽ tháo dỡ Công trình xây dựng để thu hồi nợ theo thỏa thuận. Đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp bổ sung tài sản số 89A/2020/HĐBĐ/NHCT740 ngày 15/10/2020 giữa Công ty TNHH X với Ngân hàng TMCP C2 – Chi nhánh A và hủy giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất diện tích 2551,3m<sup>2</sup>, thửa số 109, tờ bản đồ số 44 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01243 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Tăng Văn T và bà Trần Thị T1, đã chỉnh lý trang VI ngày 20/5/2020, loại Công trình nhà kho, diện tích xây

dụng 2551,3m<sup>2</sup>, diện tích sàn 2551,3m<sup>2</sup>, cấp (hạng) loại 2.

- Yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2022/QĐ-BPKCTT ngày 05/10/2022: Tài sản phong tỏa: 180m băng tải (băng chuyền) loại dây B900, tại nhà kho (nhà xưởng) của Công ty trách nhiệm hữu hạn X; địa chỉ: tổ G, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 31/8/2023, Công ty TNHH C3, do ông Phạm Trần Bảo N – Giám đốc là đại diện có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập và đơn yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP C2 trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty X có thanh toán cho ngân hàng số tiền là 14.850.000.000 đồng (mười bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) nên Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền trên và chỉ yêu cầu Công ty X phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 12/9/2023 là 28.291.672.339đ. Trong đó, nợ gốc 20.141.000.000 đồng; lãi trong hạn là 5.604.548.958đ; lãi quá hạn là 2.546.123.381đ; và tính lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2023 theo hợp đồng cho vay hạn mức số 44/2021-HĐCVHM/NHCT740-TRIEU PHAT ngày 04/5/2021, mà Công ty X đã ký với Ngân hàng.

Trước đây ngân hàng có yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để đảm bảo thi hành án gồm: Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 29/06/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS01 ngày 12/10/2018 ; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS02 ngày 15/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP C2 Chi nhánh A với ông Tăng Văn T và bà Trần Thị T1; Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019 giữa Ngân hàng TMCP C2 Chi nhánh A với ông Lê Thanh H1; Hợp đồng thế chấp số 53/2021/HĐBĐ/NHCT740, ký kết ngày 07 tháng 05 năm 2021 giữa Ngân hàng TMCP C2 – Chi nhánh A với ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1; Hợp đồng thế chấp số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/07/2016 giữa Ngân hàng TMCP C2 Chi nhánh A với Công ty TNHH X.

Nay Ngân hàng xác định là chỉ yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 53/2021/HĐBĐ/NHCT740, ký kết ngày 07 tháng 05 năm 2021 tài sản là: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 54/2004/P5 được Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 05/07/2004; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận chuyển nhượng cho ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1 ngày 09/02/2015; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận

thay đổi ngày 23/01/2013; được Chi nhánh Văn Phòng Đăng ký đất đai Quận T xác nhận điều chỉnh ngày 04/01/2018. Chủ sử dụng đất ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1;

- Hợp đồng thế chấp động sản số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/7/2016 tài sản là: Máy móc thiết bị thuộc Nhà máy X1, chủ sở hữu Công ty X (có bản đính kèm như đã trình bày nêu trên);

Đối với chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã tạm ứng là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) theo phiếu thu các ngày 15/10/2019 ; 27/11/2019, yêu cầu Công ty X hoàn trả lại cho Ngân hàng. Riêng số tiền 2.085.600đ mà ngân hàng T6 để nhận bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 20/7/2020 tại Văn phòng Đ chi nhánh L1 thì ngân hàng tự nguyện chịu.

\* Bị đơn Công ty TNHH X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà: Tăng Văn T, Trần Thị T1, Vương V, Ngô Thị Thu V1, Lê Thanh H1, Huỳnh Thị D, Lê Thành N1, Nguyễn Thị L, Lê Thanh H2, Lê Thị Hồng C1, Võ Tấn T2, Lê Thị Nguyệt H3, Võ Thị Hồng T3, Võ Phước T4, Châu Nguyễn Đăng K, Châu Nguyễn Kim Nhã K1, Nguyễn Thị R, Tạ Thanh D1, Nguyễn Thị Bích T5; Công ty C3, do ông Phạm Trần Bảo N làm đại diện; đại diện theo ủy quyền cho Công ty C3 là ông Hồ Trung C vắng mặt tại phiên tòa.

\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn X.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 12/9/2023 là 28.291.672.339 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 13/9/2023.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 53/2021/ HĐBĐ/NHCT740 ngày 07/5/2021 giữa Ngân hàng TMCP C2 với ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1; Hợp đồng thế chấp số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/7/2016

HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019 giữa Ngân hàng TMCP C2 với Công ty TNHH X.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn X đối với số tiền vốn 14.850.000.000 đồng và 02 Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 29/6/2016, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS01 ngày 12/10/2018, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS02 ngày 15/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP C2 - Chi nhánh A với ông Tăng Văn T và bà Trần Thị T1; hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019 giữa Ngân hàng TMCP C2 với ông Lê Thanh H1.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của Công ty trách nhiệm hữu hạn C3 về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn X trả số tiền còn nợ 1.204.000.000 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty X có đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601407419 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010 và mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh nên việc Ngân hàng thương mại cổ phần C2 yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty X là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Công ty X có trụ sở chính tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tòa án giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty C3 có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu Công ty X trả số tiền số tiền còn nợ 1.204.000.000 (một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu) đồng xuất phát từ việc hợp đồng gồm hợp đồng xây dựng số 12/2019/HĐTCXD ngày 09/12/2019 và hợp đồng cung cấp, lắp đặt thiết bị ngày 20/12/2019 nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”; “Hợp đồng thi Công xây dựng”; “Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị”.

Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần C2. Có địa chỉ trụ sở số A đường T, quận H, Thành Phố Hà Nội, do ông Trần Minh B – Chủ tịch hội đồng quản trị làm đại diện. Ông B ủy quyền cho ông Hồ Tuấn H – Chức vụ: Phó phụ trách phòng khách hàng doanh nghiệp; địa chỉ: số A L, khóm E, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền số 1141/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/9/2021) và bị đơn Công ty X, do ông Lê Thanh H1 – Giám đốc làm đại diện. Nhận thấy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng như đại diện theo pháp luật của bị đơn khi

tham gia tố tụng tại tòa phù hợp với Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 562, Điều 563 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà: Lê Thành N1, Võ Tấn T2, Lê Thị Nguyệt H3, Võ Thị Hồng T3, Nguyễn Thị R, Ngô Thị Thu V1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; còn lại Tăng Văn T, Trần Thị T1, Vương V, Lê Thanh H1, Huỳnh Thị D, Lê Thanh H2, Cháu Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị L, Lê Thị Hồng C1, Cháu Nguyễn Kim Nhã K1, Nguyễn Thị Bích T5, Tạ Thanh D1, Võ Phước T4; Công ty C3, do ông Hồ Trung C đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b Điều 227 tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa Ngân hàng thương mại cổ phần C2 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.850.000.000 đồng (mười bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), đây là sự tự nguyện của ngân hàng phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Tòa án sẽ đình chỉ đối với phần yêu cầu này của ngân hàng.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 04/5/2021, Ngân hàng TMCP C2 thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 44/2021-HĐCVHM/NHCT740-TRIEU PHAT với Công ty TNHH X, do ông Lê Thanh H1 – Giám đốc làm đại diện. Sau khi ký hợp đồng thì Công ty X nhận số tiền 34.991.000.000đ (ba mươi bốn tỷ chín trăm chín mươi một triệu đồng), theo các giấy nhận nợ cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 06/5/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.200.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 06/11/2021.

- Lần 2: Vào ngày 11/5/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 11.000.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 11/11/2021.

- Lần 3: Vào ngày 12/5/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 3.400.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 12/11/2021.

- Lần 4: Vào ngày 13/5/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 3.428.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 13/11/2021.

- Lần 5: Vào ngày 14/2/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 2.380.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 14/11/2021.

- Lần 6: Vào ngày 27/5/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 27/11/2021.

- Lần 7: Vào ngày 28/11/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.300.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 28/11/2021.

- Lần 8: Vào ngày 10/6/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 2.500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 10/12/2021.

- Lần 9: Vào ngày 18/6/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.000.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 18/12/2021.

- Lần 10: Vào ngày 01/7/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 2.000.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 01/01/2022.

- Lần 11: Vào ngày 02/7/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 1.900.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 02/01/2022.

- Lần 12: Vào ngày 05/7/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 3.883.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 05/01/2022.

- Lần 13: Vào ngày 02/8/2021, Công ty X ký giấy nhận nợ với số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất là 6,5%/năm; phương thức trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 tây định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 02/02/2021.

Thời gian qua, Ngân hàng nhiều lần thông báo yêu cầu Công ty T7 nợ gốc và lãi nhưng Công ty X vẫn không thực hiện. Nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty X có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 12/9/2023 là 28.291.672.339đ. Trong đó, nợ gốc 20.141.000.000 đồng; lãi trong hạn là 5.604.548.958đ; lãi quá hạn là 2.546.123.381đ; và tính lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2023 theo hợp đồng cho vay hạn mức số 44/2021-HĐCVHM/NHCT740-TRIEU PHAT ngày 04/5/2021, mà Công ty X đã ký với Ngân hàng.

[3] Xét hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào nội dung tại hợp đồng tín dụng hạn mức số 44/2021-HĐCVHM/NHCT740-Trieu Phat với Công ty X, thì việc ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C2 với Công ty X, nội dung và hình thức hai hợp đồng nêu trên phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia. Qua yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì phía bị đơn Công ty X, do ông Lê Thanh H1 là giám đốc làm đại diện đã thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng hạn mức và ký các giấy nhận nợ với ngân hàng TMCP C2 – Chi nhánh A (biên bản hòa giải ngày 07/6/2023, ông H1 là giám đốc Công ty X xác định có ký hợp đồng tín dụng và thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 07/6/2023 thì Công ty X còn nợ Ngân hàng TMCP C2 số tiền vốn lãi là 36.460.615.835 đồng và đồng ý chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký như trình bày của ngân hàng), việc bị đơn thừa nhận và thống



nhất số tiền nợ như trình bày của nguyên đơn được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng TMCP C2 yêu cầu Công ty X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/9/2023 là: 28.291.672.339đ. Trong đó, nợ gốc 20.141.000.000 đồng; lãi trong hạn là 5.604.548.958đ; lãi quá hạn là 2.546.123.381đ; và tính lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2023 theo hợp đồng cho vay hạn mức số 44/2021-HĐCVHM/NHCT740-Trieu Phat ngày 04/5/2021, mà Công ty X đã ký với Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng thế chấp:

Tại đơn khởi kiện trước đây ngân hàng có yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 29/06/2016; Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 05/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS02/NHCT740 ngày 18/05/2021; Hợp đồng thế chấp số 53/2021/HĐBĐ/NHCT740, ký kết ngày 07 tháng 05 năm 2021; Hợp đồng thế chấp động sản số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/7/2016;

Nay ngân hàng xin rút lại yêu cầu đối với hợp đồng thế chấp số: 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 29/06/2016; và hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 05/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS02/NHCT740 ngày 18/05/2021. Chỉ xin duy trì Hợp đồng thế chấp số 53/2021/HĐBĐ/NHCT740, ký kết ngày 07 tháng 05 năm 2021 tài sản là: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 54/2004/P5 được Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 05/07/2004; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận chuyển nhượng cho ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1 ngày 09/02/2015; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận thay đổi ngày 23/01/2013; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận T xác nhận điều chỉnh ngày 04/01/2018. Chủ sử dụng đất ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1 và Hợp đồng thế chấp động sản số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/7/2016 tài sản là: Máy móc thiết bị thuộc Nhà máy X1, chủ sở hữu Công ty TNHH X (có bản đính kèm như đã trình bày nêu trên);

Đối với việc ngân hàng rút yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đối với hợp đồng số: 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 29/06/2016; và hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung và Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 05/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS02/NHCT740 ngày 18/05/2021 là sự tự nguyện của ngân hàng phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Nhận thấy các hợp đồng thế chấp số 53/2021/HĐBĐ/NHCT740, ký kết ngày 07 tháng 05 năm 2021 và Hợp đồng thế chấp động sản số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/7/2016 tài sản là: Máy móc thiết bị thuộc nhà máy X1 giữa Ngân hàng TMCP C2 với Công ty X, ông Tăng Văn T, bà Trần Thị T1, Lê Thanh H1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên được công chứng tại Văn phòng C4 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai có thẩm quyền là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 169; điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên được Công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông T, bà T1, ông V, ông H1 cũng thừa nhận có ký các hợp đồng thế chấp nêu trên và đồng ý xử lý các tài sản thế chấp này theo quy định pháp luật nếu trường hợp Công ty X không thanh toán nợ cho ngân hàng. Do đó, đối với yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp nêu trên của ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Công ty TNHH C3.

Công ty C3 yêu cầu Công ty X có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 1.204.000.000 (một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu) đồng nếu Công ty X không trả nợ thì Công ty C3 sẽ tháo dỡ Công trình xây dựng để thu hồi nợ theo thỏa thuận. Đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp bổ sung tài sản số 89A/2020/HĐBĐ/NHCT740 ngày 15/10/2020 giữa Công ty TNHH X với Ngân hàng TMCP C2 – Chi nhánh A và hủy giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất diện tích 2551,3m<sup>2</sup>, thửa số 109, tờ bản đồ số 44 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01243 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Tăng Văn T và bà Trần Thị T1, đã chỉnh lý trang VI ngày 20/5/2020, loại Công trình nhà kho, diện tích xây dựng 2551,3m<sup>2</sup>, diện tích sàn 2551,3m<sup>2</sup>, cấp (hạng) loại 2 và yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2022/QĐ-BPKCTT ngày 05/10/2022: Tài sản phong tỏa: 180m băng tải (băng chuyên) loại dây B900, tại nhà kho (nhà xưởng) của Công ty trách nhiệm hữu hạn X; địa chỉ: tổ G, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 31/8/2023, Công ty TNHH C3, do ông Phạm Trần Bảo N – Giám đốc là đại diện có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập và đơn yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nộp trực tiếp cho Tòa án. Nhận thấy việc rút yêu cầu độc lập của Công ty C3 là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận, do đó Tòa án sẽ đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của Công ty C3.

[6] Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án đã áp dụng theo yêu cầu của Công ty TNHH C3 thì ngày 31/8/2023, phía Công ty cũng đã có đơn đề nghị

hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời này, do đó căn cứ Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án có xem xét và chấp nhận hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của Công ty TNHH C3.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000 (bảy triệu) đồng mà ngân hàng đã tạm ứng, do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên Công ty X phải có trách nhiệm hoàn trả chi phí này hoàn trả cho Ngân hàng.

[8]. Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117, 293, 295, 299, 317, 319, 320, 321, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

[1.1] Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 12/9/2023 là 28.291.672.339đ. Trong đó, nợ gốc 20.141.000.000 đồng; lãi trong hạn là 5.604.548.958đ; lãi quá hạn là 2.546.123.381đ.

- Kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[1.2] Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn T7 dứt nợ cho Ngân hàng gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 53/2021/HĐBĐ/NHCT740, ký kết ngày 07 tháng 05 năm 2021 tài sản là: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 54/2004/P5 được Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 05/07/2004; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận chuyển nhượng cho ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1 ngày 09/02/2015; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận thay đổi ngày 23/01/2013; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận T xác nhận điều chỉnh ngày 04/01/2018. Chủ sử dụng đất ông Vương V và bà Ngô Thị Thu V1;

- Hợp đồng thế chấp động sản số 20/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 15/7/2016 tài sản là: Máy móc thiết bị thuộc Nhà máy X1, chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn X;

[1.3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn X trả số tiền tiền vốn 14.850.000.000 (mười bốn tỷ tám trăm năm chục triệu) đồng.

[1.4] Đình chỉ đối với yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp số: 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 29/06/2016; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS01 ngày 12/10/2018, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 27/2016/HĐTC-CNAG-KHDN-SĐBS02, ngày 15/10/2020 và Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ/NHCT740 ngày 13/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT740 ngày 05/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 106/2019/HĐBĐ-SĐBS02/NHCT740 ngày 18/05/2021.

[2]. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Công ty trách nhiệm hữu hạn C3 về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn X trả số tiền còn nợ 1.204.000.000 (một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu) đồng nếu Công ty X không trả nợ thì Công ty C3 sẽ tháo dỡ công trình xây dựng để thu hồi nợ theo thỏa thuận và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp bổ sung tài sản số 89A/2020/HĐBĐ/NHCT740 ngày 15/10/2020 giữa Công ty TNHH X với Ngân hàng TMCP C2 – Chi nhánh A và hủy giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất diện tích 2551,3m<sup>2</sup>, thửa số 109, tờ bản đồ số 44 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01243 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Tăng Văn T và bà Trần Thị T1, đã chỉnh lý trang VI ngày 20/5/2020, loại công trình nhà kho, diện tích xây dựng 2551,3m<sup>2</sup>, diện tích sàn 2551,3m<sup>2</sup>, cấp (hạng) loại 2.

[3]. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ” quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân

huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2022/QĐ-BPKCTT ngày 05 tháng 10 năm 2022 trong vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2022/TLST-KDTM, ngày 05 tháng 02 năm 2022, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”; “Hợp đồng thi công”. Tài sản bị phong tỏa là: 180m băng tải (băng chuyền) loại dây B900, tại nhà kho (nhà xưởng) của Công ty TNHH X, địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Công ty trách nhiệm hữu hạn C3, do ông Phạm Trần Bảo N – Giám đốc làm đại diện được nhận lại tiền đã nộp biện pháp bảo đảm là 46.800.000 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) và lãi nếu có tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh C5, tỉnh An Giang theo giấy nộp tiền ngày 05/10/2022, vào tài khoản số 6711201003561.

[4]. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X nộp số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 được nhận lại 71.805.000 (bảy mươi một triệu tám trăm lẻ năm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010043 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Công ty trách nhiệm hữu hạn C3 được nhận lại 25.860.000 (hai mươi lăm triệu tám trăm sáu chục nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004571 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Công ty trách nhiệm hữu hạn X do ông Lê Thanh H1 giám đốc làm đại diện phải chịu 128.141.000 (một trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- THA Chợ Mới;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Phương Quyền**